



Thời gian : 06/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP HỌC PHẦN	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
1	172526916	Lê Thị Ngọc	Anh	ENG 201 DIS	K17PSU_QNH1	8	10	9	9	9	7.8	8.4	8.7	Tám Phẩy Bảy	
2	172416888	Lê Thị Mỹ	Dung	ENG 201 DIS	K17PSU_DLK	9	9	6	7	7.5	6.5	7	7.1	Bảy Phẩy Một	
3	172216539	Trần Tiến	Dũng	ENG 201 DIS	K17CSU_XDD	8	9	5.5	8	8	6.9	7.5	7.3	Bảy Phẩy Ba	
4	172526926	Nguyễn Hà	Giang	ENG 201 DIS	K17PSU_QNH1	8	10	6.5	9	7.5	8.2	7.9	7.9	Bảy Phẩy Chín	
5	172318874	Phan Thanh	Giang	ENG 201 DIS	K17PSU_KKT1	10	8	6.5	8	7	7.2	7.1	7.3	Bảy Phẩy Ba	
6	172316803	Nguyễn Thế	Hải	ENG 201 DIS	K17PSU_KKT1	8	7	6	8	8	4.5	6.3	6.5	Sáu Phẩy Năm	
7	172316804	Lê Nguyễn Diệu	Hằng	ENG 201 DIS	K17PSU_KKT1	10	8	6	8	8.5	7.2	7.9	7.6	BảyPhẩy Sáu	
8	172526939	Dương Xuân	Hoài	ENG 201 DIS	K17PSU_QNH1	9	10	7.5	9	8.5	7	7.8	8.1	Tám Phẩy Một	
9	171446682	Lê Thị	Hoài	ENG 201 DIS	K17PSU_DCD1	8	9	7	9	8	8.5	8.3	8.1	Tám Phẩy Một	
10	172316808	Trương Thị Mỹ	Huệ	ENG 201 DIS	K17PSU_KKT1	9	8	5	8	8	5.5	6.8	6.8	Sáu Phẩy Tám	
11	172216568	Đỗ Ngọc	Hùng	ENG 201 DIS	K17CSU_XDD	9	7	5	7.5	7.5	4.7	6.1	6.3	Sáu Phẩy Ba	
12	172316809	Nguyễn Ngọc Bảo	Hưng	ENG 201 DIS	K17PSU_KKT1	7	7	7	8	9	6.2	7.6	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
13	172526941	Hứa Thị Lan	Hương	ENG 201 DIS	K17PSU_QNH1	9	10	7	9	9	8.2	8.6	8.5	Tám Phẩy Năm	
14	172316812	Lương Quang Tùng	Khánh	ENG 201 DIS	K17PSU_KKT1	6	8	6	8	8.5	6	7.3	7.1	Bảy Phẩy Một	
15	171446687	Nguyễn Thị Kim	Khánh	ENG 201 DIS	K17PSU_DCD1	9	10	9	9	9	8.9	9	9.1	Chín Phẩy Một	
16	172526944	Phan Phú	Khỏe	ENG 201 DIS	K17PSU_QNH2	8	8	6	9	7.5	4.2	5.9	6.5	Sáu Phẩy Năm	
17	172316813	Nguyễn Mai Thảo	Lam	ENG 201 DIS	K17PSU_KKT1	8	8	6	8	8	6	7	7.1	Bảy Phẩy Một	
18	171446689	Nguyễn Thị	Lan	ENG 201 DIS	K17PSU_DCD1	5	6	0	5	hp	hp	hp	0.0	Không	
19	172316817	Đặng Trần Nhật	Linh	ENG 201 DIS	K17PSU_KKT1	9	8	7	8	8	5.2	6.6	7.1	Bảy Phẩy Một	
20	172316815	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	ENG 201 DIS	K17PSU_KKT1	10	8	7	8	8.5	6	7.3	7.5	Bảy Phẩy Năm	
21	172416898	Phạm Thị Thùy	My	ENG 201 DIS	K17PSU_DLK	6	8	7.5	7	hp	hp	hp	0.0	Không	
22	172316821	Nguyễn Thị Y	Na	ENG 201 DIS	K17PSU_KKT2	9	8	7	7.5	hp	hp	hp	0.0	Không	
23	172216548	Nguyễn Đăng	Phong	ENG 201 DIS	K17CSU_XDD	8	7	5.5	7.5	6.5	5.5	6	6.3	Sáu Phẩy Ba	
24	172416904	Huỳnh Thị Thu	Thảo	ENG 201 DIS	K17PSU_DLK	5	7	6.5	6	hp	hp	hp	0.0	Không	
25	172416905	Nguyễn Lê Phương	Thảo	ENG 201 DIS	K17PSU_DLK	8	8	8	8	8.5	6.7	7.6	7.8	Bảy Phẩy Tám	
26	172336871	Thân Thị Nhật	Tiên	ENG 201 DIS	K17PSU_QTH	7	9	9	9	9.5	7.8	8.7	8.7	Tám Phẩy Bảy	
27	172416909	Huỳnh Thị Bích	Trâm	ENG 201 DIS	K17PSU_KKT1	10	9	7	8	9	7.5	8.3	8.1	Tám Phẩy Một	
28	171326788	Trần Thị Khánh	Trang	ENG 201 DIS	K17KCD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
29	172216558	Nguyễn Đăng	Trọng	ENG 201 DIS	K17CSU_XDD	7	7	6	7.5	6	5.5	5.8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
30	172216562	Lê Hoàng	Tuấn	ENG 201 DIS	K17CSU_XDD	8	7	6	7.5	6	4.2	5.1	5.9	Năm Phẩy Chín	
31	172416910	Văn Minh	Tuấn	ENG 201 DIS	K17PSU_DLK	9	7	7	6	8	6	7	7.0	Bảy	
32	172236463	Võ Tá	Tuấn	ENG 201 DIS	K17CSU_KTR1	8	7	5	7	5.5	2.7	4.1	5.1	Năm Phẩy Một	
33	172416911	Lê Thị	Viên	ENG 201 DIS	K17PSU_DLK	8	7	6.5	7	7	5.5	6.3	6.5	Sáu Phẩy Năm	
34	172416912	Lê Thị Tường	Vy	ENG 201 DIS	K17PSU_DLK	9	9	6.5	7	8.5	6.7	7.6	7.5	Bảy Phẩy Năm	

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 12 năm 2012

TP. ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

NGƯỜI LẬP